TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 298/2018/DS-PT.
Ngày: 02/11/2018.
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Trúc Phương

Ông Ngô Tấn Lợi

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Trọng Hiếu.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp*: Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 19/10 và 02/11/2018 tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2018/TLPT-DS ngày 09 tháng 02 năm 2018 về việc "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 45/2017/DS–ST ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 181/2018/QĐ–PT ngày 26 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Việt Thùy D- sinh năm: 1980;

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lê Việt Thùy D là Luật sư Đặng Hồng Đ – Văn phòng luật sư Đặng Hồng Đ thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Vũ Ngọc B- sinh năm: 1952,

Trần Thị Kim H- sinh năm 1959;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã B, H. Thanh Bình - Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H là ông Hứa Văn Đ, sinh năm 1967. Địa chỉ: 135, ấp K, xã Đ, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Vũ Ngọc B và bà Trần Thị Kim H là luật sư Đào Trọng T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Phường P, quận B, thành phố H, thuộc đoàn luật sư Thành Phố H.

Ông Nguyễn Tấn T là Trợ giúp viên pháp lý tỉnh Đồng Tháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Vũ Ngọc B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: - sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện T - Đồng Tháp.

3. Ngày 23 tháng 01 năm 2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp có kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS.

4. Người kháng cáo: ông Vũ Ngọc B và Trần Thị Ngọc H; là bị đơn của vụ án.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 31/7/2017, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Việt Thùy D trình bày: Vào ngày 03/9/2016 âm lịch (03/10/2016 dương lịch) ông Vũ Ngọc B có hỏi vay của chị số tiền 313.000.000 đồng với lãi suất 2%/tháng. Lúc hỏi vay ông B nói với chị là hỏi giúp con gái và con rễ nuôi cá, cất nhà. Còn thực tế ông B, bà H sử dụng vào việc gì chị không biết. Do số tiền này ông B để lo công việc trong gia đình nên chị yêu cầu ông B, bà H là vợ ông B có trách nhiệm cùng trả với ông B. Chị có nhận số tiền lãi là 18.780.000 đồng/3 tháng, chị yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày vay cho đến khi xét xử hôm nay tính tròn 14 tháng với mức lãi suất 0,75%/tháng, được tính như sau (313.000.000 đồng x 0,75%) x 14 tháng = 32.865.000 đồng, khấu trừ số tiền lãi mà chị đã nhận trước đó 18.780.000 đồng. Còn lại ông B phải trả lãi cho chị 14.085.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi phải trả là 327.085.000 đồng.

- Tại các biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Vũ Ngọc B trình bày: Ông không đồng ý với yêu cầu của chị D về việc yêu cầu ông phải thanh

toán số nợ gốc và lãi 327.085.000 đồng và chị D cho rằng có trả lãi 18.780.000 đồng là không có, bởi vì trong thời gian này ông phải về quê tại thôn Trại Đanh, xã Yên Thành, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình từ ngày 03/8/2016 đến 20/9/2016. Theo biên nhận ngày 03/9/2016 là không đúng sự thật vì thực tế thời gian đó ông không có ở địa phương. Đối với biên nhận ngày 03/9/2016 do anh Lê Xuân T làm giả để vu khống ông, còn đối với phần đất chị Lê Việt Thùy D yêu cầu ngăn chặn ông đã chuyển nhượng cho cháu ông ngày 20/7/2016 nên ông không đồng ý, ông yêu cầu giải tỏa phong tỏa để ông được nhận phần tiền chuyển nhượng đất còn lại để ông điều trị bệnh. Chị Dphải chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu việc chị D yêu cầu phong tỏa tài sản của ông mà không có cơ sở.

- Tại các biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Trần Thị Kim H trình bày: Bà đồng ý với lời trình bày của ông Vũ Ngọc B, ông B (chồng bà) không có ký nhận vay tiền của chị Lê Việt Thùy D nên bà không đồng ý với yêu cầu của chị Lê Việt Thùy D.

- Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Xuân T trình bày: Số tiền mà chị D(vợ anh) cho ông B vay là tiền của hai vợ chồng, khi ông B vay tiền thì có ký nhận nợ với vợ anh chứ anh không làm giả giấy tờ và giả mạo chữ ký của ông B, anh đồng ý để một mình chị D đứng ra khởi kiện yêu cầu ông B và bà H thanh toán nợ.

* Tại quyết định bản án sơ thẩm số 45/2017/DS-ST, ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Việt Thùy D. Buộc ông Vũ Ngọc B và bà Trần Thị Kim H phải liên đới trả cho chị Lê Việt Thùy D số tiền gốc và lãi là 327.085.000 đồng.

2. Buộc ông Vũ Ngọc B phải trả cho chị Lê Việt Thùy D số tiền 2.025.000 đồng chi phí giám định.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 06/2017/QĐ-BPKCTT ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Chị Lê Việt Thùy D được nhận lại số tiền 45.000.000 đồng đã nộp buộc thực hiện biện pháp bảo đảm tại Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T khi Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 06/2017/QĐ-BPKCTT ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T hết hiệu lực.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Vũ Ngọc B và Trần Thị Kim H phải liên đới chịu 16.354.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Trả lại chị Lê Việt Thùy D số tiền đã nộp tạm ứng án phí: 7.825.000 đồng theo biên thu số 00472 ngày 31/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/01/2018, ông Vũ Ngọc B và bà Trần Thị Kim H kháng cáo với nội dung: Không đồng ý với bản án sơ thẩm; Tòa sơ thẩm tuyên buộc ông, bà trả tiền vốn gốc và lãi là 327.085.000 đồng là không đúng vì thực tế ông, bà không có vay tiền của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Vũ Ngọc B và bà Trần Thị Kim H giữ nguyên kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm: về tố tụng, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung, đề nghị hủy án sơ thẩm do chưa xem xét, làm rõ trách nhiệm trả nợ của bà Hđồng thời chưa đầy đủ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Vũ Ngọc B, bà Trần Thị Kim H, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Lê Việt Thùy D khởi kiện yêu cầu ông Vũ Ngọc B và bà Trần Thị Kim H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị số tiền vay 313.000.000đ, đồng thời cung cấp cho Tòa án chứng cứ là biên nhận ngày 03/9/2016 với số tiền trên; cuối biên nhận, có chữ ký tên và chữ viết họ tên Vũ Ngọc B. Ông B và bà H đều cho rằng ông bà không có vay của chị Dsố tiền 313.000.000đ như chị D trình bày, còn việc chị D xuất trình biên nhận ngày 03/9/2016 có nội dung ông B có vay của chị D số tiền 313.000.000đ thì đây là chứng cứ ngụy tạo; ông B không thừa nhận chữ ký, chữ viết trên biên nhận này là của ông.

Xét thấy, mặc dù căn cứ vào các kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp (tại cấp sơ thẩm) và của Phân viện Khoa học Hình sự Bộ công an tại thành phố Hồ Chí Minh (tại cấp phúc thẩm) đều xác định chữ ký và chữ viết mang tên Vũ Ngọc B trên biên nhận ngày 03/9/2016 mà chị D xuất trình đúng là chữ viết và chữ ký tên của ông Vũ Ngọc B, bị đơn trong vụ án. Tuy nhiên, biên nhận nói trên chỉ có ông B ký tên, viết họ tên, trong khi bà H không thừa nhận có việc vay tiền này, khẳng định là không hề hay biết sự việc và không đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả nợ với ông B, thì Tòa án cấp sơ thẩm đã chưa làm rõ những tình tiết để chứng minh số tiền vay này bà Hcó cùng sử dụng với ông B hay không hoặc số tiền này được ông B vay để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình ông B, bà H không, để từ đó có căn cứ xác định bà H có nghĩa vụ liên đới hay không, nhưng đã xét xử buộc bà Hphải có nghĩa vụ liên đới trả nợ với ông B đối với số tiền trên là chưa có căn cứ. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ chưa đầy đủ mà tại cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được.

[2] Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" theo yêu cầu của chị D đối với hai thửa đất số 2256 và 2257, cùng tờ bản đồ số 3, tại xã Bình Tấn, huyện T, do ông B đứng tên quyền sử dụng, Hội đồng xét xử xét thấy: tại thời điểm trước khi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nói trên thì ông B đã có trình bày cũng như Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã có thu thập chứng cứ xác định được là phần đất mà chị D yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đã được ông B chuyển nhượng cho anh Vũ Khắc M (thửa 2256) và anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị Thùy T (thửa 2257); tại thời điểm đó anh M, anh L, chị T đang quản lý, sử dụng phần đất đó, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã không có thông báo và đưa anh M, anh L, chị T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong

vụ án để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh M, anh L, chị T; hơn nữa, anh M, anh L, chị T cũng đã có khiếu nại vấn đề này tại cấp phúc thẩm. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng tố tụng do thiếu tư cách đương sự mà tại cấp phúc thẩm không bổ sung, khắc phục được.

[3] Đối với lời trình bày của những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B, bà H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã chưa đánh giá đầy đủ và toàn diện vụ án; chưa làm rõ tính giá trị pháp lý của biên nhận do nguyên đơn cung cấp vì biên nhận này đã bị tẩy xóa và ghi thêm kể cả chữ và số, là không khách quan, không thể dùng làm chứng cứ trong vụ án, đồng thời ngoài biên nhận này ra, thì nguyên đơn không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh việc bị đơn có vay tiền của nguyên đơn, như: phần còn lại của tờ biên nhận hoặc sổ gốc của tờ biên nhận, nên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa có căn cứ, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị D cho rằng qua hai kết luận giám định tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm đều xác định chữ ký trên biên nhận là của bị đơn trong vụ án, là ông B, còn đối với việc trên phần nội dung biên nhận có tẩy xóa ghi lại họ tên ông B là cho phù hợp với thực tế tại thời điểm các bên thỏa thuận, thống nhất về chủ thể của bên vay, là ông B và điều này không làm ảnh hưởng đến nội dung của hợp đồng vay cũng như không làm mất giá trị chứng minh của biên nhận; còn đối với bà H là vợ ông B do vẫn sống chung với ông B tại thời điểm vay tiền nên bà Hcũng phải có nghĩa vụ liên đới với ông B, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của các bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: do bản án sơ thẩm bị hủy nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung đề nghị của những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên, bị đơn như trên.

[4] Xét đề nghị hủy án sơ thẩm của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phúc thẩm do có vi phạm về thủ tục tố tụng là có căn cứ như nhận trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Do hủy sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử không xem xét kháng cáo của ông B, bà H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

[6] Với những lý do trên, Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[7] Do bản án sơ thẩm bị hủy nên ông B, bà H không phải chịu án phí phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và chi phí giám định sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 148 và Điều 310 của Bô luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

- Hủy bản án sơ thẩm số 45/2017/DS-ST, ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện T và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vũ Ngọc B và bà Trần Thị Kim H không phải chịu và được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 02415 ngày 05/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và chi phí giám định sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Phòng GĐ&KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện T;
-Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy